

## TỜ TRÌNH

### **Đề nghị phê duyệt Dự án Liên kết phát triển sản xuất, sơ chế, tiêu thụ nông sản Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Ant Farm Chi nhánh tại Lâm Đồng.**

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Lâm Đồng

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu Quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết 104/2018/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc phê duyệt chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Nghị quyết 118/2022/NQ-HĐND ngày 13/10/2022 của HĐND tỉnh quy định quy định nội dung hỗ trợ; mẫu hồ sơ; trình tự thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất; lựa chọn đơn vị đặt hàng hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025,

Căn cứ Quyết định số 535/QĐ-UBND ngày 17/3/2023 của UBND tỉnh Lâm Đồng, về phân bổ vốn sự nghiệp ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 170/QĐ-SNN ngày 12/4/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ đơn đề nghị về việc hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp ngày 17/5/2023 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Ant Farm Chi nhánh tại Lâm Đồng;

Căn cứ Biên bản khảo sát Dự án Liên kết phát triển sản xuất, sơ chế, tiêu thụ nông sản Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Ant Farm Chi nhánh tại Lâm Đồng ngày 24/5/2023;

Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật kính trình Sở Nông nghiệp và PTNT xem xét, phê duyệt hỗ trợ “Dự án Liên kết phát triển sản xuất, sơ chế, tiêu thụ nông sản Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Ant Farm Chi nhánh tại Lâm Đồng” với những nội dung cụ thể như sau:

**1. Tên dự án:** Liên kết phát triển sản xuất, sơ chế, tiêu thụ nông sản Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Ant Farm Chi nhánh tại Lâm Đồng.

**2. Chủ trì dự án:** Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Ant Farm Chi nhánh tại Lâm Đồng.

- Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Thành Trung

- Chức vụ: Giám đốc
- Giấy đăng ký kinh doanh số 0309764434-004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 28/5/2018, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 29/8/2022.
- Địa chỉ: Số 90 Quốc lộ 20, thôn Phú Tân, xã Phú Hội, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.
- Điện thoại: 02862611411, Fax: 02862611711, Website: [www.antsss.net](http://www.antsss.net)  
Email: [contact@antfarm.com.vn](mailto:contact@antfarm.com.vn)

**3. Phạm vi thực hiện:** huyện Đức Trọng và huyện Đơn Dương.

**4. Sản phẩm liên kết:** Khoai lang, gừng, ớt chuông, cà chua...

**5. Cơ quan quản lý dự án:** Chi cục Trồng trọt và BVTV tỉnh Lâm Đồng.

**6. Thời gian thực hiện**

- Thời gian hỗ trợ: Năm 2023 - 2025

**7. Mục tiêu dự án:**

**7.1. Mục tiêu chung**

Hình thành chuỗi phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị nông sản đối với khoai lang và một số rau, quả và hình thành Trung tâm sau thu hoạch nhằm nâng cao giá trị sản phẩm thông qua hoạt động sơ chế, chế biến, đóng gói và logistics hướng đến xuất khẩu. Nâng cao thu nhập của người sản xuất, đặc biệt là các hộ đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn.

**7.2. Mục tiêu cụ thể:**

- Hình thành trung tâm sau thu hoạch được trang bị máy móc, thiết bị sơ chế, chế biến, bảo quản hiện đại để bảo quản rau củ quả các loại cho các thành phần tham gia chuỗi liên kết. Đồng thời là nơi gia công các sản phẩm nông sản phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

- Xây dựng thành công liên kết sản xuất, sơ chế, chế biến gắn với tiêu thụ sản phẩm khoai lang và một số rau, quả; với quy mô khi định hình năm 2025 trên 25 hộ liên kết, diện tích 50 ha tổng sản lượng khoảng 4.000 tấn/năm, hiệu quả kinh tế cao hơn khi chưa thực hiện dự án từ 10 - 15%.

- 100% nhân viên kỹ thuật của công ty và các hộ dân tham gia chuỗi liên kết được tập huấn, chuyển giao khoa học kỹ thuật, thông tin thị trường, áp dụng công nghệ cao vào sản xuất.

- 100% sản phẩm được đóng gói, dán tem, nhãn hàng hóa đảm bảo điều kiện truy xuất nguồn gốc, quản lý chất lượng và đảm bảo an toàn thực phẩm.

- Từ sau năm 2025 (sau khi kết thúc dự án): Chi nhánh công ty tiếp tục ký hợp đồng với các hộ nông dân đã liên kết, không ngừng tìm kiếm, mở rộng thị trường tiêu thụ và tăng diện tích liên kết; tăng số lượng công nhân từ 10 - 12 người, tạo việc làm cho lao động địa phương; duy trì doanh thu hàng năm tăng từ 12 - 15%; tạo thu nhập ổn định cho các hộ nông dân liên kết; tiếp tục duy trì thực hành sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP trên toàn bộ diện tích của chi nhánh công ty và

các hộ liên kết; chủ động cân đối nguồn vốn để nâng cấp nhà xưởng, đầu tư thêm máy móc, trang thiết bị phục vụ hoạt động sơ chế theo HACCP.

### **8. Ý nghĩa và hiệu quả của việc thực hiện dự án liên kết**

Nâng cao thu nhập của người sản xuất và góp phần ổn định được thị trường tiêu thụ, nâng cao giá trị sản phẩm qua đó góp phần phát triển bền vững ngành sản xuất sâu riêng của tỉnh, theo đúng định hướng cơ cấu lại ngành nông nghiệp.

### **9. Cam kết của doanh nghiệp**

Liên kết, hướng dẫn kỹ thuật, thu mua toàn bộ sản phẩm của các hộ tham gia dự án ít nhất 05 năm (từ ngày ký hợp đồng liên kết với hộ dân), với giá cả cao hơn giá thị trường tại thời điểm.

Thực hiện đầy đủ các thủ tục và thực hiện đúng nội dung đã đăng ký theo quy định khi có quyết định hỗ trợ của cơ quan có thẩm quyền. Đảm bảo đúng số lượng và tỷ lệ kinh phí đối ứng quy định tối thiểu từ các bên tham gia liên kết theo nội dung đã đăng ký và dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

### **10. Nội dung thực hiện và cơ chế hỗ trợ:**

#### **10.1. Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng dự án liên kết**

- Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ thuê tư vấn để hướng dẫn chủ trì liên kết xây dựng dự án; xây dựng phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, phát triển thị trường và xây dựng hợp đồng với các hộ tham gia liên kết.

- Kinh phí thực hiện: 120.000.000 đồng.

- Định mức hỗ trợ: Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% chi phí tư vấn xây dựng liên kết (Áp dụng theo khoản 1 điều 3 Nghị quyết 118/2022/NQ-HĐND ngày 13/10/2022 và khoản 01 điều 01, Nghị quyết 104/2018/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng).

#### **10.2. Hỗ trợ hạ tầng, trang thiết bị**

- Đối tượng hỗ trợ: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Ant Farm Chi nhánh tại Lâm Đồng

- Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ 05 kho lạnh trữ đông sản phẩm

- Kinh phí thực hiện: 4.715.700.000 đồng trong đó ngân sách nhà nước hỗ trợ 1.414.710.000 đồng (30% chi phí mua sắm các thiết bị), kinh phí đối ứng: 3.300.990.000 đồng (70% kinh phí do công ty đối ứng).

- Định mức hỗ trợ: Áp dụng theo khoản 1 điều 3 Nghị quyết 118/2022/NQ-HĐND ngày 13/10/2022 và khoản 01 điều 01, Nghị quyết 104/2018/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

#### **10.3. Đào tạo tập huấn**

- Đối tượng đào tạo, tập huấn: nhân viên công ty, các hộ liên kết sản xuất và nông dân khu vực lân cận.

- Nội dung: Nâng cao năng lực công ty và các thành viên tham gia liên kết hiểu về cách thức thực hiện chuỗi giá trị, nâng cao khả năng nắm bắt thị trường, xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, tổ chức thực hiện sản xuất kinh doanh;

Ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao. Áp dụng quy trình sản xuất tiên tiến. Quản lý chất lượng đồng bộ; Quản lý dịch hại tổng hợp trên khoai lang, gừng, ớt chuông, cải bắp; Yêu cầu kỹ thuật và công tác quản lý đối với mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói.

- Số lượng: 08 lớp, 35 người/lớp

- Kinh phí thực hiện: 141.600.000 đồng. Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% nước hỗ trợ 100%.

- Định mức hỗ trợ: Áp dụng theo khoản 1 điều 3 Nghị quyết 118/2022/NQ-HĐND ngày 13/10/2022 và khoản 01 điều 01, Nghị quyết 104/2018/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

#### **10.4. Hỗ trợ bao bì sản phẩm**

a) Đối tượng: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Ant Farm Chi nhánh tại Lâm Đồng

b) Nội dung: Hỗ trợ 60.000 thùng carton 05 lớp chống thấm, in Flexo. Quy cách 44 cm x 24 cm x 18,5 cm.

- Kinh phí thực hiện: 714.120.000 đồng. Ngân sách nhà nước hỗ trợ 499.884.000 đồng, đối ứng 212.236.000 đồng

- Định mức hỗ trợ: Áp dụng theo khoản 1 điều 3 Nghị quyết 118/2022/NQ-HĐND ngày 13/10/2022 và khoản 01 điều 01, Nghị quyết 104/2018/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

#### **10.5. Hỗ trợ cấp chứng nhận VietGAP**

- Đối tượng: Các hộ liên kết

- Nội dung: Hỗ trợ tư vấn và cấp chứng nhận VietGAP cho các hộ liên kết.

- Kinh phí thực hiện: 200.000.000 đồng. Ngân sách nhà nước hỗ trợ 80.000.000 đồng, đối ứng 120.000.000 đồng.

- Định mức hỗ trợ: Áp dụng theo khoản 1 điều 3 Nghị quyết 118/2022/NQ-HĐND ngày 13/10/2022 và khoản 01 điều 01, Nghị quyết 104/2018/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

#### **10.6. Hỗ trợ quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa**

- Đối tượng hỗ trợ: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Ant Farm Chi nhánh tại Lâm Đồng

- Nội dung: Hỗ trợ doanh nghiệp một phần kinh phí tham gia hội chợ triển lãm, giới thiệu, trưng bày sản phẩm.

- Kinh phí thực hiện: Tổng kinh phí là 75.000.000 đồng. Ngân sách hỗ trợ 100%.

- Định mức hỗ trợ: Nhà nước hỗ trợ 50% chi phí cho các doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại, tối đa không quá 25 triệu/đơn vị/lần tham gia theo mục 7 phần III Quyết định 837/QĐ-UBND ngày 12/5/2022 của UBND tỉnh Lâm Đồng về phê duyệt kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Lâm Đồng hướng đến toàn diện, bền vững, hiện đại giao đoạn 2021 - 2025.

### **10.7. Chi phí quản lý**

- Nội dung: Chi hội đồng thẩm định dự án và kiểm tra, nghiệm thu kết quả
- Kinh phí thực hiện: 51.360.000 đồng
- Định mức hỗ trợ: Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện

### **11. Kinh phí thực hiện**

**11.1 Tổng kinh phí thực hiện:** 6.092.780.000 đồng (*Sáu tỷ không trăm chín mươi hai triệu bảy trăm tám mươi ngàn đồng*). Trong đó:

- + Ngân sách nhà nước hỗ trợ: 2.457.554.000 đồng (chiếm 40,34%)
- + Doanh nghiệp và các hộ tham gia dự án liên kết đối ứng: 3.635.226.000 đồng (chiếm 59,66%).

(*Chi tiết phụ lục đính kèm*)

### **11.2. Phân kỳ nguồn vốn thực hiện dự án**

#### a) Ngân sách nhà nước

- Năm 2023: 1.000.001.000 đồng
- Năm 2024: 1.319.254.000 đồng
- Năm 2025: 138.300.000 đồng

#### b) Kinh phí đối ứng của tổ chức, cá nhân

- Năm 2023: 1.400.735.000 đồng
- Năm 2024: 2.174.492.000 đồng
- Năm 2025: 60.000.000 đồng

**11.3. Nguồn kinh phí:** vốn sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2022-2024, năm 2023 theo Quyết định số 535/QĐ-UBND ngày 17/3/2023 của UBND tỉnh Lâm Đồng, về phân bổ vốn sự nghiệp ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023.

Các nội dung, mức hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự thủ tục phù hợp với quy định tại Nghị định 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022, Nghị quyết 118/2022/NQ-HĐND ngày 13/10/2022 HĐND tỉnh quy định quy định nội dung hỗ trợ; mẫu hồ sơ; trình tự thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất; lựa chọn đơn vị đặt hàng hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025, phù hợp với chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp được quy định tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu Quốc gia và Nghị quyết 104/2018/NQ-HĐND ngày 13/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

*Hồ sơ kèm theo:*

1. *Hồ sơ dự án của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Ant Farm Chi nhánh tại Lâm Đồng;*

2. *Biên bản khảo sát Dự án Liên kết phát triển sản xuất, sơ chế, tiêu thụ nông sản Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Ant Farm Chi nhánh tại*

*Lâm Đồng ngày 24/5/2023.*

Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật kính đề nghị Sở Nông nghiệp và PTNT Lâm Đồng xem xét, trình UBND tỉnh phê duyệt hỗ trợ dự án “Liên kết phát triển sản xuất, sơ chế, tiêu thụ nông sản” do Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Ant Farm Chi nhánh tại Lâm Đồng đăng ký chủ trì thực hiện để dự án có thể sớm đưa vào thực hiện./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Đ/c Nguyễn Văn Châu (PGĐ Sở);
- Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Ant Farm Chi nhánh tại Lâm Đồng;
- Lưu: VT, HCTH (Q).

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**

**Trần Quang Duy**



2	- Thành viên hội đồng	Người i/ngà y	700	12	8,400	8,400		12	8,400	8,400									
3	Thư ký hội đồng			1	210	210		1	210	210									
2	<b>Nghiệm thu, theo dõi tiến độ thực hiện</b>				<b>41,700</b>	<b>41,700</b>			<b>13,900</b>	<b>13,900</b>	-		<b>14,900</b>	<b>14,900</b>	-		<b>12,900</b>	<b>12,900</b>	-
1	- Chi phí đi lại	Ngày	1,300	15	19,500	19,500		5	6,500	6,500		5	6,500	6,500		5	6,500	6,500	
2	- Công tác phí (Đoàn 3 người)	Người i /ngày	160	45	7,200	7,200		15	2,400	2,400		15	2,400	2,400		15	2,400	2,400	
3	- Chi phí khác (VPP, mực in, công ngoài giờ báo cáo.)				15,000	15,000			5,000	5,000			6,000	6,000			4,000	4,000	
<b>Tổng cộng</b>					<b>6,092,780</b>	<b>2,457,554</b>	<b>3,635,226</b>		<b>2,400,735</b>	<b>1,000,001</b>	<b>1,400,735</b>		<b>3,493,745</b>	<b>1,319,254</b>	<b>2,174,492</b>		<b>198,300</b>	<b>138,300</b>	<b>60,000</b>